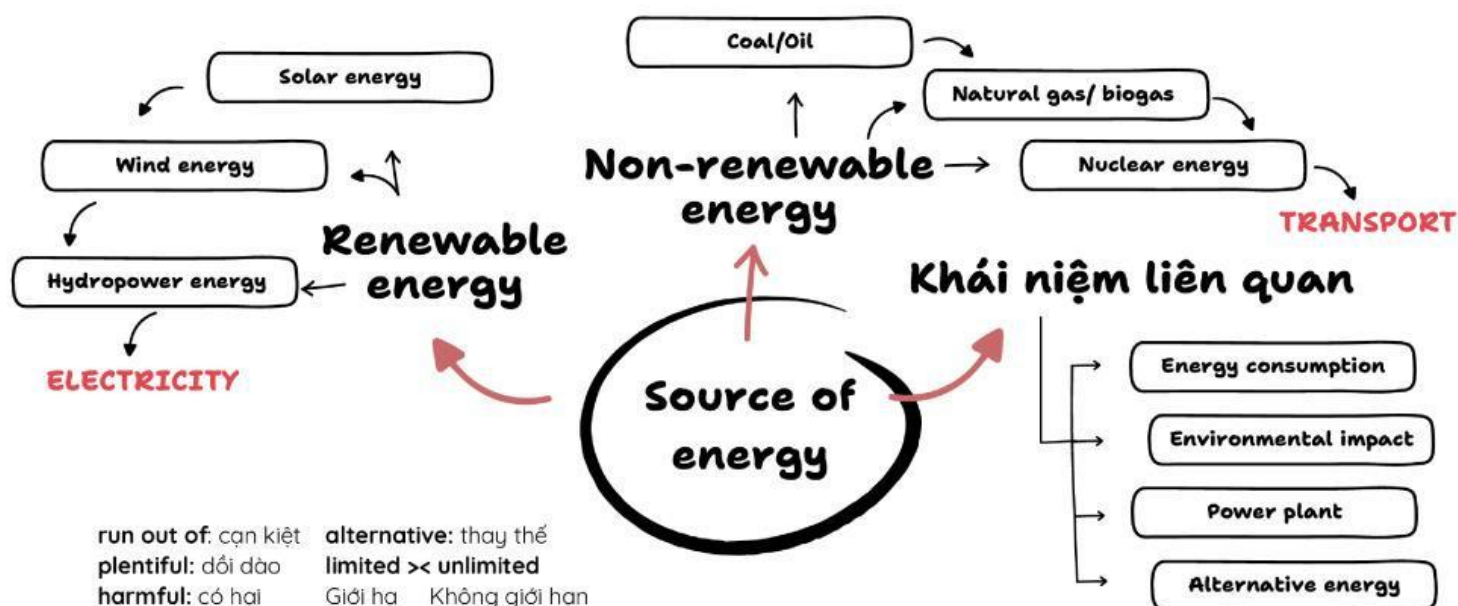


UNIT 10: ENERGY SOURCES

I. NEW WORDS.



1. Renewable Energy (Năng lượng tái tạo)	2. Non-renewable Energy (Năng lượng 0 tái tạo)
Solar energy (Năng lượng mặt trời)	⚡ Coal (Than đá) 🛢️ Oil (Petroleum) (Dầu mỏ)
🌬️ Wind energy (Năng lượng gió)	🔥 Natural gas (Khí thiên nhiên)
💧 Hydropower (Hydroelectricity) (Thủy điện)	☢️ Nuclear energy (Năng lượng hạt nhân)
3. Related Concepts (Khái niệm liên quan)	
⚡ Energy consumption	🌍 Environmental impact
🏭 Power plant (Nhà máy điện)	🏠 Alternative energy (Năng lượng thay thế)

II. GRAMMAR.

Hiện tại tiếp diễn - Present continuous

Công thức	(+) S + am/is/are + V-ing + O. (-) S + am/is/are not + V-ing + O. (?) Am/ Is/ Are + S + V-ing + O?	She is driving at the moment. They are not singing right now. Is it raining now? - Yes, it is./ No, it isn't.
Cách dùng	1. Hành động đang xảy ra tại thời điểm nói: The children are playing football now . 2. Sự việc sẽ xảy ra trong tương lai (kế hoạch cố định): I am flying to New York tomorrow . 3. Diễn tả xu hướng: • It is getting hot./ The weather is becoming colder as winter approaches. 4. Diễn tả hành động thường xuyên lặp đi lặp lại gây khó chịu • She is always singing at midnight.	
Dấu hiệu nhận biết	1. Trạng từ chỉ thời gian: now (bây giờ), right now (ngay bây giờ), at the moment / at present (lúc này, hiện tại), this week (tuần này), currently (hiện tại), ... 2. Mệnh đề chỉ thời gian: It's + giờ cụ thể + now . (Bây giờ là ... giờ.) 3. Câu mệnh lệnh: Look! (Nhìn kìa!), Listen! (Hãy nghe này!), Keep silent! (Hãy im lặng!), Be hurry! (Nhanh lên!), Be careful! (Cẩn thận!), ...	
Thêm đuôi ing	• Động từ tận cùng là "e" □ bỏ "e" rồi thêm "ing": live – living • Động từ tận cùng là "ie" □ chuyển "ie" thành "y" rồi thêm "ing": die – dying • Động từ đuôi "ee" □ giữ nguyên thêm đuôi "ing": see – seeing • Động từ đuôi "c" □ thêm "k" rồi thêm đuôi "ing": traffic – trafficking • Động từ tận cùng bằng một phụ âm + y □ thêm "ing": try – trying • Động từ là một âm tiết hoặc 2 âm tiết và có âm kết thúc ở dạng "phụ âm" □ x2 phụ âm cuối, thêm "ing": win – winning, pre'fer – preferring	
Note	Để diễn tả cảm xúc, trạng thái hay suy nghĩ ở thời điểm hiện tại, ta thường dùng hiện tại đơn thay cho hiện tại tiếp diễn. Trường hợp này thường được dùng với các động từ sau: know (biết), wonder (tự hỏi), appear (hình như), believe (tin), sound (có vẻ), hope (hi vọng), consider (cân nhắc), understand (hiểu), like/love (thích/yêu), seem (có vẻ), taste (có vị, nếm), to be (thì, là, ở), remember (nhớ), realize (nhận ra), suppose (cho rằng), hate (ghét), think (cho rằng, nghĩ rằng), smell (ngửi), recognize (nhận ra), forget (quên), look (trông như) ...	

KIẾN THỨC MỞ RỘNG, NÂNG CAO

1. Hiện tại đơn Dùng để nói về lịch làm việc, thời gian biểu... như lịch giao thông công cộng, lịch phim. Ví dụ: • What time does the train leave tomorrow? Ngày mai đoàn tàu sẽ khởi hành lúc mấy giờ? • The film starts at 9.30 in the evening. Phim bắt đầu lúc 9:30 tối nay.	2. Hiện tại tiếp diễn Dùng để nói về một hành động có thời gian cụ thể; hoặc một kế hoạch lớn, quan trọng được quyết định từ trước, có thời gian xác định. Ví dụ: They are having a big party to celebrate their 30-year wedding anniversary. Họ sẽ có bữa tiệc lớn kỷ niệm 30 năm ngày cưới.
---	---

1. Fill in the blank and write the name of the type of energy under each picture.

1. _____ energy is a form of energy from the sun, which won't ever run out.
2. Petroleum, or crude _____ is a fossil fuel and non-renewable source of energy.
3. _____ power is a type of energy that comes from the force of moving water.
4. Driven by the _____, the movement of a wind turbine produces electricity.
5. _____ or fossil gas that we use to cook, comes from deep under the Earth.
6. _____ is a flammable black hard rock used as a solid fossil fuel.



1

2. Fill in each blank in the sentences with one word.

fossil	released	alternative	overheat	energy
available	wind	recycle	possible	hydro energy

1. People use _____ to run machines, heat and cool their homes.
2. We need to save our natural resources by searching for _____ fuels.
3. _____ fuel's will be exhausted within a relatively short time.
4. The sun _____ large amounts of energy every day.
5. The wind energy is cheap and readily _____. There are often strong winds during summer in our region.
6. If the fan doesn't work, the engine could _____.
7. We _____ all our cans and bottles.
8. The farm _____ will provide enough energy for 100,000 homes.
9. We would like people use more renewable energy sources instead of _____.
10. We should use less gas, but increase the use of _____ and nuclear energy,

3. Choose the correct words.

1. He seems not to **run away/ run out** of energy, so he can work for hours without stopping.
2. Strawberries are **plentiful/ renewable** and cheap in summer.
3. Our **available/ nuclear** natural resources will run out soon.
4. Using green sources of energy can make the air **unlimited/ clean**.
5. Solar energy seems to be **limited/ unlimited**- we can rely on it for a very long time.
6. The air becomes worse because of **polluted/ polluting** gases from that factory.
7. We should rely much more on **expensive/ alternative** sources of energy.
8. The problem with fossil fuels is that they are not **non-renewable/ renewable**.

4. Complete the sentences using the present continuous form of the verbs in brackets.

1. _____ (you / watch) TV? Can I turn it off?
2. Paul _____ (not write) an essay about global warming at the moment.
3. Look! They _____ (launch) a new spacecraft.
4. What courses _____ (Jane / take) this semester?
5. She _____ (not / do) her homework now. She _____ (look after) her baby sister.
6. Laura _____ (write) an email to her cousin.
7. My friends _____ (chat) on the Internet.
8. I _____ (not do) my homework on the computer.
9. Peter and Paul _____ (swim) at the moment.
10. They _____ (not use) that English dictionary.

5. Put the verbs in the brackets into the present continuous or the present simple.

1. What _____ (you / do) to save energy these days?
2. The activists _____ (do) to drive a green energy revolution at present
3. Lots of students _____ (study) energy sectors in the United States now.
4. Some schools _____ (produce) renewable electricity on their own campuses.
5. The Sun _____ (be) the main source of energy on Earth.
6. How many types of energy _____ (humans, use) at present?
7. My father _____ (replace) the old bulbs in my room at the moment.
8. It _____ (take) billions of lifetimes for new fossil fuels to form.
9. At the current time, many families _____ (look) for ways to use less energy.
10. We _____ (discuss) about the advantages of some energy sources now.

6. Write the verbs in the e-mail in the correct form.

From: Susan

To: Peter

Hi Peters

Thanks for your message. What (1) _____ (you / do) at the moment?

(2) _____ (you / surf) the Net? We're all have a lazy day here. Mum and Dad

(3) _____ (have) a barbecue with some friends. Tom (4) _____

(skateboard). My cousins (5) _____ (play) badminton, well, not Daisy. She (6)

_____ (not play) badminton. She (7) _____ (sit) on the grass with

her friends Kate and Lana. They (8) _____ (not do) anything special. What (9)

_____ (I / do) in the house? I (10) _____ (make) tea and coffee for

everyone. I must go!

Everyone is waiting for me! Bye! See you later,

Susan